QUESTIONNAIRE FOR [illegible]
Câu hỏi cho Người Nộp Đơn

ODP. IV: . . . . . . Date / Ngày : . . . .

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành tiếng Anh thì xin Bạn điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :
Gởi Bảng Câu hỏi này về :
Panjabhum Building
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
THAILAND

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản

1. Name / Họ tên : THỊ KIM NHẢNH — Sex / Phái : Female
2. Other Name / Họ tên khác : Any
3. Date/Place of birth / Ngày/ Nơi sinh : 193[illegible] [illegible]
4. Residence Address / Địa chỉ thường trú : Thạnh Xuân Hamlet, Thạnh Phú Commune, Thốt Nốt District, Hậu Giang Province, VIET NAM.
5. Mailing Address / Địa chỉ thư từ : Same as above.
6. Current Occupation / Nghề nghiệp hiện tại : Farmer.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và các con chưa lập gia đình mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly hôn (D), goá phụ/goá thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. KIM THỊ ẤN	02.08.1954	F	M	Daughter
2. KIM PHẢNH	13.08.1959	M	M	Son
3. KIM KHẢNH	26.10.1961	M	M	Son
4. KIM THỊ THÔNG	30.09.1962	F	M	Daughter
5. KIM THỊ LIÊN	04.03.1964	F	M	Daughter

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho những người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần giấy khai sinh, hôn thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu là goá phụ/goá thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn mà hiện tại không ở chung nhà, xin viết địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa kỳ		
a. Name Họ tên		
b. Relationship Liên hệ gia đình		
c. Address Địa chỉ		
d. Date of Relative's Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Hoa Kỳ		
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ tên		
b. Relationship Liên hệ gia đình		
c. Address Địa chỉ		

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father / Cha : [illegible] (dead)

2. Mother / Mẹ : [illegible] (Dead)

3. Spouse / Vợ/chồng : [illegible], Late Caporal

4. Former Spouse (if any) / Vợ chồng trước (nếu có) :

5. Children / Con cái :
   - (1) Kim Thị Ân — 02.08.1954 — Farmer at Thốt Nốt
   - (2) Kim Phanh — 13.08.1959 — id
   - (3) Kim Khanh — 26.10.1961 — id
   - (4) Kim Thị Thông — 30.09.1962 — id
   - (5) Kim Thị Liên — [illegible].1964 — id

6. Siblings / Anh chị em : (1) [illegible]

E. **EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã làm cho các công sở của Chính Phủ Mỹ hay Hãng Mỹ.**

1. Employee Name / Họ tên nhân viên :
   Postion Title / Chức vụ :
   Agency/Company/Office / Sở / Hãng / Văn phòng :
   Length of Employment / Thời gian làm việc : From / Từ : To / tới :
   Name of American Supervisor / Tên họ giám thị Mỹ :
   Reason for Separation / Lý do nghỉ việc :
2. Employee Name / Họ tên nhân viên :
   ...
   Reason for Separation / Lý do nghỉ việc :
3. Employee Name / Họ tên nhân viên :
   ...
   Reason for Separation / Lý do nghỉ việc :

F. **SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.**

1. Name of Person serving / Họ tên người tham gia : KIM KUNG
2. Dates / Ngày tháng năm : From / Từ : To / tới : 21.04.1966 (at 7.55 pm)
3. Last Rank / Cấp bậc cuối cùng : Caporal   Mil. Serial No. / Số quân : 053.452
4. Ministry/Office/Mil. Unit / Bộ/ Sở/ Đơn vị binh chủng : Company 515/ĐPQ Bình Tuy, KBC. 6058
5. Name of Supervisor/C.O. / Họ tên giám thị/SQ. chỉ huy :
6. Reason for Separation / Lý do nghỉ việc : Killed by VC at 7.55 p.m. on 21.4.66
7. Names of American Advisor(s) / Tên họ cố vấn Mỹ
8. U.S. Training Courses in Viet Nam / Chương trình huấn luyện của Hoa Kỳ tại Việt Nam :
9. U.S. Awards or Certificates :
   Name of Award / Phần thưởng/Giấy khen   Date Received / Ngày nhận :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes : ... No : X.)

(CHÚ Ý: Xin Bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, giấy ban khen hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không? Có : ... KHÔNG: X.)

G. **TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOURSPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoại quốc.**

1. Name of Student/Trainee :
   Họ tên sinh viên/người thụ huấn
2. School and School Address :
   Trường và địa chỉ trường
3. Dates : From : To :
   Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses :
   Mô tả ngành học
5. Who paid for training ?
   Ai đài thọ chương trình huấn luyện?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ? Yes : . . . No : X.)
(CHÚ Ý: Xin Bạn kèm theo Văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? Có : . . . KHÔNH : X.)

H. **RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE/ Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo**

1. Name of Person in Re-Education :
   Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
   Thời gian cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? Yes : No : X
   Còn học tập không ? Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của bạn.)

I. **ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Cước chú phụ thuộc ?**

Since my husband's death, I have kept unmarried to grow our children. They had been given allowance until their maturity.

I wish I could be given allowance from April 75 until now because all of them have got married and have their own families.

Signature : Date : . . . .
Ký tên [signature] Ngày

J. **ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.**

1. Photocopies of my children's birth certificates.
2. Midical Certificate from Ngô Quyền Military Hospital.
3. Photocopy of the Report of my husband' unit.
4. Photocopy of Decree 5078 dated 24 Oct.1968 on granting us allowance.

KIM CHI
NHANH

KIM CHI
THÔNG

KIM KHANH

KIM PHANH

Kim Chi
LIÊN

ĐỊA PHƯƠNG QUÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ CỰU CHIẾN-BINH

NHA HƯU-BỔNG VÀ CẤP-DƯỠNG

Đương-sự yêu cầu được lĩnh tiền tại Quỹ Kế-Toán Phát Ngân-Viên :

TỈNH

Gia-Định

Chữ ký hoặc điểm chỉ (ngón trỏ và ...) của người hưởng cấp dưỡng hay đại diện pháp-định.

Dụ số 22 ngày 15-11-1952

QUẢ-PHỤ

☐ Phiếu kiểm soát A
☐ Phiếu kiểm soát B
☐ Phiếu kiểm soát C
☒ Phiếu kiểm danh
☒ Chứng chỉ đăng bạ

☐ Chủ Lực-Quân
☐ Địa Phương-Quân
☐ Nghĩa-Quân

Nghị định của Bộ CCB ... ngày 24 th.10.1968 — Số đăng bạ 6078 CCB

Họ và tên quả-phụ: KIM THỊ KHANH

Ngày và nơi sinh: 1927 Vĩnh-Bình

Trú quán: ấp Khương Thạnh, xã Phước-Lợi, Kế-Tân, Bình-Tuy

Họ và tên quân nhân: KIM NHUNG — Quân số 053.452

Cấp bậc: H.sĩ

Cơ đội: TK/Bình-Tuy

Được hưởng cấp dưỡng kể từ ngày: 22.4.66

Đương - sự đã được hưởng cấp dưỡng quả-phụ

Số ... /QP/HPQ

Tên các con được kể để hưởng tăng khoản (điều 47, đoạn 2)	Ngày sinh	Được hưởng đến
KIM TH AN	2.8.54	1.8.72
" PHANH	13.8.59	12.8.77
" KHANH	26.10.61	25.10.79
" THI THONG	30.9.62	29.9.80
" " LIEN	4.3.64	3.3.82

LIỆT-KÊ CÁC KHOẢN CỦA CẤP-DƯỠNG

	Từ 22.4.66 Đến 31.5.66	Từ 1.6.66 Đến trở đi	Từ Đến	Từ Đến
Cấp dưỡng chính (giá biểu. . . .)				
Tăng 50% cấp dưỡng chính Thường	9.864.-	12.823.-		
— Tăng khoản về con.				
Phụ cấp gia-đình (điều 49 đoạn 1, và 17 đoạn 1)	4.344.-	6.297.-		
Tổng cộng — hằng năm	13.960.-	[illegible]		
Tổng cộng — mỗi tam cá nguyệt	18.666.-			

Kỳ lĩnh tiền lần thứ nhất :
Số tiền cấp-dưỡng thuộc thời kỳ từ ngày 22.4.66 đến 31.12.67 $
Khấu trừ $
Còn được lãnh $ 40.446 69

... trả cấp-dưỡng ghi ở phiếu này.

Saigon, ngày 24 th.10. 1968

Tổng Trưởng Cựu Chiến Binh
Giám Đốc Nha Hưu Bổng và Cấp Dưỡng

NHA HƯU BỔNG VÀ CẤP-DƯỠNG

Đại Tá LỮ-CHÂU THIỆN

Các kỳ lĩnh tiền tiếp theo	1 tháng 1	1 tháng 4	1 tháng 7	1 tháng [illegible]
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi :	KIM - THỊ - THONG
Phái :	Nữ
Sanh : (Ngày, tháng, năm)	Ngày Ba mươi, tháng Chín, năm một ngàn, chín trăm sáu mươi hai.
Tại :	Xã Phước-Hội, Tỉnh Bình-Tuy
Cha : (Tên, họ)	Kim - Kung
Tuổi :	Ba mươi bốn tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-nhân
Cư-trú tại :	Xã Phước-Hội, Tỉnh Bình-Tuy
Mẹ : (Tên, họ)	Kim - thị - Nhành
Tuổi :	Ba mươi một tuổi
Nghề-nghiệp :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	Xã Phước-Hội, Tỉnh Bình-Tuy
Vợ :	Chánh
Người khai : (Tên, họ)	Kim - Kung
Tuổi :	[illegible]
Nghề-nghiệp :	[illegible]
Cư-trú tại :	Xã Phước-Hội, Tỉnh Bình-Tuy
Ngày khai :	Ba, tháng Mười, năm 1962
Người chứng thứ nhứt : (Tên, họ)	Châu - Cut
Tuổi :	Ba mươi sáu tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-nhân
Cư-trú tại :	Xã Phước-Hội, Tỉnh Bình-Tuy
Người chứng thứ nhì : (Tên, họ)	Bùi - thành - Nỗ
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-nhân
Cư-trú tại :	Xã Phước-Hội, Tỉnh Bình-Tuy

Làm tại Phước-Hội, ngày 3 tháng 10 năm 1962

Người khai,
Kim-Kung
(ký tên)

[redacted]
Hộ-viên Hộ-tịch,
Trần-minh-Thiện
(ấn ký)

Nhân-chứng,
Châu-Cut
(ký tên)
Bùi-thanh-Nỗ
(ký tên)

SAO Y BỘ SANH NĂM 1962 :
Phước-Hội, ngày 4/10/1962.
HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH.

TRẦN ... VIÊN

MIỄN LỆ PHÍ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA * TỈNH-TRƯỞNG BÌNH-TUY *

Thị thực chữ ký trên đây là của Ô. Trần-minh-Thiện, Hội-viên Hộ-tịch
Bình-Tuy, ngày 10 tháng 10 năm 1962
T.U.N TỈNH-TRƯỞNG
Trưởng-Ty HÀNH-CHÁNH

LÊ-VINH

Nhận thực chữ ký dưới đây là của ông Trần-minh-Thiện hội-viên ... Hội
Phước Hội 4-10-1962

... TRỌNG-HỘI

KHAI-SANH

Số hiệu 264

Nhà In VUI-VUI — Phanthiết

Tên họ ấu nhi : KIM - PHON

Phái : (Nam hay nữ) Nam

Sanh : Ngày hai mươi chín, tháng chín,
(Ngày, tháng, năm) năm một ngàn chín trăm năm mươi tám.

Tại : Xã Phước-Hội, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy

Cha : Kim-Kung
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi chín tuổi

Nghề : Quân-nhân Bảo-An

Cư trú tại : Xã Phước-Hội, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy

Mẹ : Trần-thị-Nhì
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi tám tuổi

Nghề : Làm ruộng

Cư trú tại : Xã Phước-Hội, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy

Vợ : Chánh
(Chánh hay thứ)

Người khai : Kim-Kung
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi chín tuổi

Nghề : Quân-nhân Bảo-An

Cư trú tại : Xã Phước-Hội, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy

Ngày khai : Ba, tháng mười, năm 1958

Người chứng thứ nhứt : Thạch-Khuôl
(Tên, họ)

Tuổi : Bốn mươi tuổi

Nghề : Quân-nhân Bảo-An

Cư trú tại : Xã Phước-Hội, Quận Hàm-Tân, Bình-Tuy

Người chứng thứ nhì : Yous-Ran
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi tám tuổi

Nghề : Quân-nhân Bảo-An

Cư trú tại : Xã Phước-Hội, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy

Lập tại xã Phước-Hội, ngày 3 tháng 10 năm 1958

Người khai,
KIM-KUNG
(ký tên)

Hộ lại,
Nguyễn-minh-Huyền
(ký tên và đóng dấu)

Nhân-chứng :

Người chứng thứ nhứt,
Thạch-Khuôl
(ký tên)

Người chứng thứ nhì,
Yous-Ran
(ký tên)

SAO Y BỘ SANH NĂM 1958 :

Phước-Hội, ngày 16 tháng 5 năm 1964
ĐẠI-DIỆN XÃ, HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH,

From: KIM THỊ NHÀNH
Ấp Thanh Xuân
Xã Thạnh Phú
Huyện Thốt Nốt
Hậu Giang VIỆT NAM

R 959
959

VIET-NAM
06 XII 89 8
THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
19050
BƯU-CHÍNH

DEC 20 1989

MÁY BAY
PAR AVION

MRS KHUC MINH THƠ
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

4095 = 19050 đ.

Pages Removed (Medical)

2 page(s) was/were removed from the file of KIM THI NHÀNH
(1931) and placed into the Restricted/Reserved files due to containing Medical records.

-Anna Mallett
Date: NOVEMBER 19th 2007